

Bản án số: **09/ 2017/ DS-ST.**

Ngày: 04/ 7/ 2017.

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Quế;

2. Bà Võ Thị Cảnh;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 04/ 7/ 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang. Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 04/ 2017/ TLST-DS ngày 23/ 02/ 2017. Về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/ 2017/QĐXXST- DS, ngày 12/ 5/ 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/ 2017/ QĐST- DS, ngày 29/ 5/ 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Làng S, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Làng Đ, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà T có mặt, bà D lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau nên bà đã nhiều lần cho bà D vay và mượn tiền. Do bà D không có vốn làm ăn nên khoảng đầu năm 2015 bà D đã vay tiền của bà để mua đậu với số tiền là 15.500.000 đồng, đến ngày 13/ 02/ 2017 bà nghe thông tin bà D bán rẫy và người mua rẫy sẽ thanh toán tiền cho bà D trong tuần, nên bà gặp bà D để yêu cầu bà D trả số nợ trên, bà D hứa miệng với bà khi người mua rẫy thanh toán tiền thì bà sẽ trả, trong thời hạn dài nhất là 1 tuần, ngay lúc đó bà D đã tự nguyện viết giấy nhận nợ với bà, bà D đã ký nhận nợ, ghi rõ họ tên và giao lại cho bà giữ với nội dung ghi nợ đầu tư số tiền là 15.500.000 đồng; Bà đã cung cấp cho Tòa án Giấy nợ đầu

tư đề ngày 13/ 02/ 2017 (*bản chính*) để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà.

Đền hện trả nợ, bà đã gặp bà D để đòi nợ thì được biết bà D không bán rẫy nữa và có ý muốn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà, bà D không có thiện chí trả nợ cho bà như đã hứa mà có lời thách thức việc đòi nợ của bà. Vì vậy, bà đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà D phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 15.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên quan điểm và trình bày rõ về chứng cứ đã nộp. Giấy nợ đầu tư đề ngày 13/ 02/ 2017 (*bản chính*) do bà D viết có ghi là nhận nợ đầu tư của bà, nhưng thực tế là bà chỉ cho bà D vay tiền, còn việc bà D đầu tư hay chi tiêu trong gia đình thì bà không quan tâm và giữa bà và bà D không có hứa hện việc trả nợ bằng sản phẩm đầu tư. Trong lần vay tiền trên, bà D có nói mục đích vay là để mua đậu về bán có tiền sẽ trả cho bà nên bà đã cho bà D vay tiền, đến nay bà cần thì bà D phải có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bà T (*đối với khoản tiền 15.500.000 đồng*) cho đến khi người phải thi hành án (*bà Phan Thị D*) thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn bà Phan Thị D: Sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập bà D đến nhận thông báo thụ lý vụ án, bà D đã được giao nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không làm bản tự khai để trình bày quan điểm đối với yêu cầu đòi nợ của bà T. Đã hai lần Tòa án ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến đương sự nhưng bà D đều không hợp tác, vắng mặt không có lý do nên cả hai lần đều không tiến hành hòa giải được, do vậy Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên tòa được mở vào ngày 29/ 5/ 2017 và ngày 04/ 7/ 2017, bà D đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà D không hợp tác, không đến Tòa làm việc nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt đến bà D bằng việc niêm yết các văn bản trên theo đúng thời gian và trình tự tố tụng dân sự được quy định. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giao nộp, gồm: 01 Giấy nợ đầu tư đề ngày 13/ 02/ 2017 có nội dung: Bà D nhận nợ đầu tư của chị T M với số tiền là 15.500.000 đồng ký tên người nhận nợ bà Phan Thị D (*bản chính*); 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T (*bản sao*); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Ngụy Khắc Minh (*bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn bà Phan Thị D là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay bà T và bên vay bà D. Quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp

luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Bà T là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện đảm bảo về hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, Gia Lai.

[2] Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà D có thực hiện việc giao kết hợp đồng là Giấy nợ đầu tư đề ngày 13/ 02/ 2017 (*bản chính*), nguyên đơn đã nộp cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có nội dung: “*Tôi tên: Phan Thị D. Cư trú tại làng ĐăkChCau có nợ đầu tư của chị T M. Số tiền là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm) khi nào bán rẫy em D trả cho chị T đầy đủ số tiền trên nếu có gì sai sót tôi triệu trách nhiệm trước pháp luật*”. Người nhận nợ đã ký ghi rõ họ tên Phan Thị D. Chứng cứ bà T cung cấp cho Tòa án là đúng và được bị đơn bà D mặc nhiên thừa nhận vì Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng đến cho bà D hợp lệ và bà D cũng biết rõ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng trốn tránh, cố tình vắng mặt mà không có ý kiến trình bày, đồng thời chứng cứ hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về phía bị đơn bà Phan Thị D từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và luôn trốn tránh, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập; không tham gia vào các giai đoạn của quá trình tố tụng sơ thẩm đã thể hiện việc bà tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời mặc nhiên thể hiện bà là người có vay nợ tiền của T và đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T, nên khi bà T khởi kiện thì bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích như trên, căn cứ vào Điều 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T để buộc bị đơn bà Phan Thị D phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 15.500.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 15.500.000 đồng x 5% = 775.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 03 Điều 144; khoản 01 và khoản 05 Điều 147; 227; 228; 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Phan Thị D phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 15.500.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bà T (đối với khoản tiền 15.500.000 đồng) cho đến khi người phải thi hành án (bà Phan Thị D) thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 775.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 387.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006937 ngày 23/ 02/ 2017 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Cảnh

Hoàng Thị Quế

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS K;
- THA K;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên